TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT
Ngày 27 - 9 - 2023.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long;

Bà Điêu Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc Xin ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: *(Tòa án không triệu tập)*.

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

3. Cụ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1931. Địa chỉ: Tiểu khu H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tiểu khu K, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La.

5. Ông Đỗ Mạnh P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tiểu khu H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

6. Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

7. Chị Đặng Thị Thanh H2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La.

8. Anh Đặng Thanh H3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị N2, ông Đỗ Mạnh P, ông Đặng Văn H1, chị Đặng Thanh H4, anh Đặng Thanh H3: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N kết hôn với nhau ngày 20/01/2000, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ tháng 4/2001 ông vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án đến tháng 01/2022 trở về địa phương, nhưng vợ ông là bà Trần Thị N có quan hệ bất chính và có con với người đàn ông khác, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 người con: cháu Đỗ Bảo N3, sinh năm 1997 và cháu Đỗ Sơn T1, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, phát triển bình thường và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản trong thời kỳ hôn nhân: Khi vợ chồng kết hôn đến năm 2000, bố mẹ đẻ có cho vợ chồng ông mượn mảnh đất có diện tích hơn 3.000m^2 để vợ chồng ở và canh tác, ông xác định phần diện tích này không phải là tài sản chung của vợ chồng, khi đó trên đất đã có gian nhà gỗ xây luồn tường và công trình phụ. Trong quá trình đi chấp hành án, đến đầu năm 2022 trở về địa phương thì bà Trần Thị N đã sửa lại ngôi nhà và các công trình phụ cũng như trồng được một số cây trên đất. Ông đề nghị được quản lý toàn bộ tài sản trên đất và ông có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá nhưng cần khấu trừ phần móng nhà cũng như tường nhà được xây dựng trước khi vợ chồng ra ở riêng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Ngọc H kết hôn với nhau vào ngày 20/01/2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì ông Đỗ Ngọc H vi phạm pháp luật và phải chấp hành án, đến đầu năm 2022 thì ông Đỗ Ngọc H chấp hành án xong và trở về địa phương. Nay ông Đỗ Ngọc H có đơn xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà nhất trí ly hôn với ông Đỗ Ngọc H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có sinh được 02 người con chung là cháu Đỗ Bảo N3, sinh ngày 28/10/1997 và cháu Đỗ Sơn T1, sinh ngày 15/10/2000. Nay các cháu đã trên 18 tuổi và không mất năng lực hành vi dân sự, phát triển bình thường, đã trưởng thành. Bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngoài ra trong thời gian ông H đi chấp hành án, bà có 02 người con với người khác là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 17/10/2008 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 24/9/2017. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản trong thời kỳ hôn nhân: Năm 2000, bố mẹ chồng cho vợ chồng bà cho mượn mảnh đất hơn 3.000m^2 để ở và canh tác, đến nay bà xác định phần diện tích đất không phải là tài sản chung của vợ chồng bà, quá trình sinh sống trên phần đất trên đến nay bà đã sửa một phần 01 ngôi nhà cấp 4 và xây dựng các công trình phụ ở trên đất, tổng giá trị khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngoài ra trên đất có khoảng 100 cây ăn quả (Nhãn, mít, xoài, bơ) tổng giá trị 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà yêu cầu ông Đỗ Ngọc H thanh toán cho bà tổng số tiền là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) thì bà đồng ý giao lại toàn bộ tài sản trên đất cho ông H quản lý, sử dụng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người diện theo ủy quyền của của cụ Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị N2, ông Đỗ Mạnh P, ông Đặng Văn H1, chị Đặng Thị Thanh H2, anh Đặng Thanh H3 là bà Đỗ Thị T trình bày:

Năm 2000, bố mẹ bà có cho vợ chồng ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N mượn thửa đất số 15, tờ bản đồ số 4, có diện tích khoảng hơn 3.000m^2, địa chỉ tại tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Khi vợ chồng ông H bà N lên ở trên đất có một ngôi nhà xây luồn tường và một số công trình phụ khác. Nay ông H bà N ly hôn bà nhất trí tạm giao cho ông Đỗ Ngọc H phần đất khoảng 300m^2 có khuôn nhà cũ cùng các công trình phụ để ông H quản lý và sử dụng. Đối với phần đất còn lại bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57; Điều 59; 81, 82, 83; 84; Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N.

2. Về con chung:

Cháu Đỗ Bảo N3, sinh năm 1997 và cháu Đỗ Sơn T1, sinh năm 2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, ông H, bà N không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 17/10/2008 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 24/9/2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà N, do bà N không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về tài sản chung, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2023, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về nội dung con chung.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị ghi nhận cháu Trần Hoàng A sinh ngày 17/10/2008 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 24/9/2017 không phải là con chung của vợ chồng ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N. Ông Đỗ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con với bà Trần Thị N cho đến khi các cháu trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc thỏa thuận giữa các đương sự: Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, ông Đỗ Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị N. Bị đơn cư trú tại tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn theo đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H có đơn kháng cáo đề ngày 18/6/2023 không nhất trí với bản án sơ thẩm về vấn đề con chung. Xét thấy nội dung kháng cáo của ông H là hợp lệ, đơn kháng cáo được làm trong thời hạn luật định, do đó được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H có cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới sau:

- Phiếu xác nhận thông tin cư trú ngày 31/8/2023 của Công an thị trấn M xác định: Cháu Trần Hải Đ có mối quan hệ với bà Trần Thị N là con, cháu Trần Hoàng A có mối quan hệ với bà Trần Thị N là cháu.

- Tại Giấy khai sinh của cháu Trần Hoàng A đăng ký ngày 28/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sơn La thể hiện: Họ tên người cha là ông Trần Trung H5, sinh năm 1979, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Họ tên người mẹ là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Tại Giấy khai sinh của cháu Trần Hoàng A đăng ký ngày 20/8/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M không thể hiện tên người cha đăng ký, chỉ thể hiện tên người mẹ là bà Trần Thị N.

- 02 kết quả xét nghiệm ADN ngày 12/9/2023 của Công ty TNHH C xác định: Cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Hoàng A đều không có quan hệ huyết thống cha - con với ông Đỗ Ngọc H.

Hội đồng xét xử nhận thấy trình tự, thủ tục lấy mẫu giám định và quá trình giám định ADN đều tuân thủ theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Tòa án xác nhận cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 17/10/2008 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 24/9/2017 không phải là con chung của vợ chồng ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N. Giao cháu Trần Hoàng A và cháu Trần Hải Đ cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Đỗ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con với bà Trần Thị N cho đến khi các cháu trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mới do nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H cung cấp, phù hợp với kết quả tại Công văn phúc đáp số 2509/2023 ngày 25/9/2023 của Công ty TNHH C về việc cung cấp hồ sơ giám định ADN cho Tòa án. Xét thấy cần công nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Đỗ Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1**.** Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 125/2023/HNGĐ-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147; Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57; Điều 59; khoản 2 điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N.

1.2. Về con chung:

Cháu Đỗ Bảo N3, sinh năm 1997 và cháu Đỗ Sơn T1, sinh năm 2000. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, ông H, bà N không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó không xem xét giải quyết.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N như sau: Cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 17/10/2008 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 24/9/2017 không phải là con chung của vợ chồng ông Đỗ Ngọc H và bà Trần Thị N. Giao cháu Trần Hoàng A và cháu Trần Hải Đ cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Đỗ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con với bà Trần Thị N cho đến khi các cháu trưởng thành.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0002998 ngày 28/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/9/2023)./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan